



THÚ VỊ PHƯƠNG NGỮ VIỆT NAM - KỲ 2:

Tiếng khác nhau là do nước uống?

Có khi hai thôn trong một xã nói rất khác nhau mà chẳng có sông núi gì ngăn cách cả. Và người ta giải thích rằng, đó là do nước uống, phong thủy, thổ nghi... Vậy điều đó có cơ sở không?

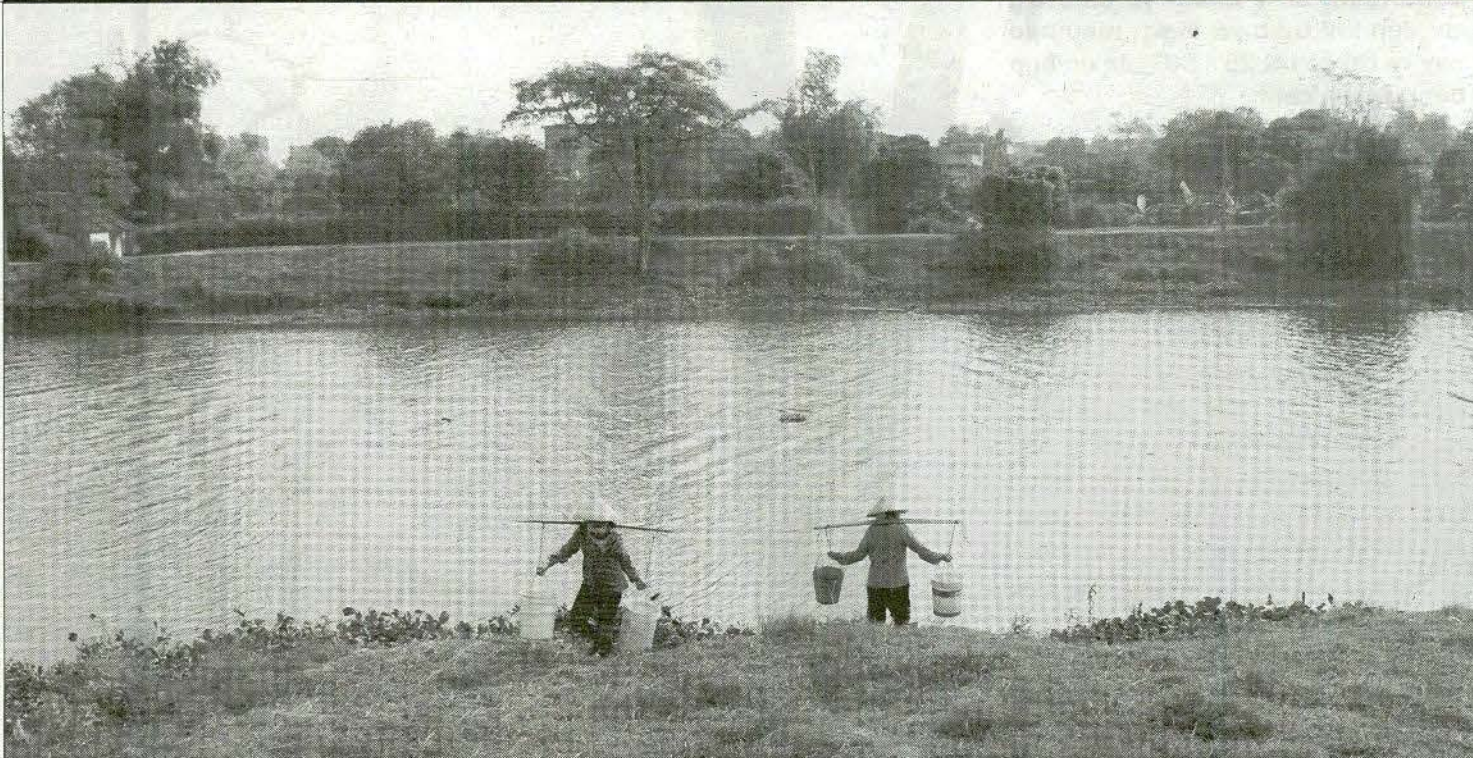
■ MAI NGUYỄN

Nơi nào là cái nôi của dân tộc, nơi đó nhiều thổ ngữ

Theo GS.TS Hoàng Thị Châu, trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, trong Phương ngữ học tiếng Việt, không có gì phức tạp hơn sự phân bố thổ ngữ ở Việt Nam. Nhìn bề ngoài, chúng giống như một bức tranh vô cùng đa dạng và rắc rối đến mức tưởng chừng như không thể nào giải-thích nổi. Có những vùng có rất nhiều thổ ngữ, ví dụ như châu thổ sông Hồng. Lại có những nơi hầu như không có thổ ngữ, cả vùng bao gồm một diện tích mênh mông nói một phương ngữ thống nhất như đồng bằng Nam Bộ. Có những vùng nhỏ bé như Bô Trạch, Quảng Bình, lại có nhiều thổ ngữ lạ xen nhau. Có khi hai thôn trong cùng một xã nói rất khác nhau mà chẳng có sông núi gì ngăn cách. Ví dụ: Hai thôn Mai Bản và Yên Lương trong xã Nghi Thủy, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Nhưng lại có điều lạ kỳ hơn: Những nơi cách xa nhau lại cùng nói một thứ thổ ngữ, trong khi chung quanh không hề nói như vậy. Hiện tượng này được gọi bằng cái tên nên thơ: Sự trôi giạt của thổ ngữ. Ví dụ, thổ ngữ xã Cảnh Dương, ở Quảng Trạch, giờ là thị xã, giống tiếng Thừa Thiên - Huế. Và người ta giải thích một cách tùy tiện, cho rằng do nước uống, phong thủy, thổ nghi... Tuy nhiên, cần phải nắm được cái nguyên lý chính, sau đó mới nói đến các điều kiện phụ, bổ sung. Nếu như các phương ngữ là biểu hiện trong không gian của lịch sử tiếng Việt đã diễn ra trong thời gian, thì các phương ngữ, thổ ngữ cũng đồng thời là sự biểu hiện của quá trình phát triển lịch sử của dân tộc theo thời gian đã ảnh xạ lên bề mặt của đất nước. Đây chính là nguyên lý bất biến.

Theo nguyên lý này có thể trả lời cho câu hỏi: Tại sao có những vùng giàu thổ ngữ, có những vùng không có thổ ngữ? Câu trả lời sẽ là: Nơi nào là cái nôi của dân tộc Việt, nơi đó nhiều thổ ngữ. Nơi nào là vùng đất mới khai phá, nơi ấy vắng mặt thổ ngữ. Và vùng đất mà khảo cổ học xác nhận là cái nôi của dân tộc Việt Nam, đó chính là hai cánh đồng bằng màu mỡ là châu thổ sông Hồng và sông Mã cùng



PGS.TS Phạm Văn Hào cho biết, theo PGS. Nhà nghiên cứu người Pháp là Robequain (Rô bơ canh), ở đầu trong lịch sử có địa danh Sô, thì ở đây có người Chăm. Bởi vì trại tù binh người Chăm xưa được đặt có chữ Sô. Hà Nội rất nhiều địa danh có chữ sô: Ví dụ Nga sô, Mễ sô, Ngà Tu Sô... Trong lịch sử có nói là Trần Nhật Duật cưới voi đi học ngôn ngữ giao tiếp với người Chăm, chính là ông đi tù trong thành ra quán La Sô (nay là đầu đường Thanh Niên ra tới Quảng Bá), xưa nơi đây là trại giam tù binh Chăm.

với vùng đồng bằng ven biển Nghệ Tĩnh. Đây cũng là cơ sở cho nước Văn Lang từ thời vua Hùng. Chính hai vùng đồng bằng này cũng là nơi thổ ngữ đậm đặc nhất và giữ nhiều nét cổ nhất.

Số sánh giữa miền Nam và miền Bắc thì mạng lưới miền Bắc dày đặc những thổ ngữ. Còn ở miền Nam, sự khác biệt chỉ có thể nhận thấy ở những vùng rộng lớn, như giữa ở một số tỉnh Nam Trung Bộ. Riêng Nam Bộ thì khó mà phân biệt được các thổ ngữ khác nhau: đâu đâu cũng một tiếng nói thống nhất, chỉ với vài nét dị biệt nhưng không đáng kể ở miền cực nam.

Thổ ngữ phản ánh sự di dân

PGS.TS Nguyễn Văn Hào cho biết, sự hình thành của phương ngữ gắn liền với sự phát triển của lịch sử dân tộc. Mỗi một vùng phương ngữ, đều có những lý do hình thành, và nó không tách rời yếu tố lịch sử.

Còn theo GS.TS Hoàng Thị Châu, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, mạng lưới phương ngữ thổ ngữ là tấm gương phản ánh quá trình phát triển của dân tộc. Và thổ ngữ phản ánh sự di dân của người Việt qua các thời kỳ lịch sử. Tuy nhiên, sự di dân này bao giờ cũng diễn ra trong lòng nước Việt Nam thống nhất, cho nên, ở Việt Nam tuy có nhiều thổ ngữ, nhưng các thổ ngữ ấy không khác nhau đến mức độ không hiểu được

nhau như ở Trung Quốc, hay có tình trạng cạnh tranh nhau như ở châu Âu. Đây là nét cơ bản. Và sự di dân này diễn ra theo hai con đường: Con đường thứ nhất có tổ chức do Nhà nước lãnh đạo. Và con đường tự phát do những nhóm người thực hiện theo yêu cầu sinh sống của họ.

Điều này lý giải, ví dụ, vì sao tiếng Huế mang nhiều sắc thái mới của PNN (phương ngữ Nam Trung Bộ và Nam Bộ). Là bởi, trong thời phong kiến nhà Nguyễn, các bà vợ vua Minh Mạng trở về sau, phần lớn là con gái các đại thần quê Nam Bộ, những người đã từng giúp Gia Long gây dựng cơ đồ. Do đó, các bà trong nội cung ở Huế bấy giờ đều nói tiếng Nam Bộ. Các cung phi, thị nữ được tuyển vào cung cũng phải học nói tiếng miền Nam. Phương ngữ miền Nam trở thành biệt ngữ cung đình nhà Nguyễn.

Do có vị trí tôn quý như thế, nên biệt ngữ này ảnh hưởng đến tiếng nói của quần chúng của cả vùng Thừa Thiên - Huế, làm cho phương ngữ vùng này có thêm một số nét của PNN mà các PNT không có.

Người nước ngoài bỏ tiếng nói gốc nói tiếng Việt

Sự hình thành mạng lưới phương ngữ Việt Nam, bên cạnh việc người Việt đến những nơi mới, còn có một hiện tượng thú vị là những người Chăm, Khơ Me, Mã Lai, Trung Quốc tới Việt Nam rồi bỏ tiếng nói gốc của mình để nói tiếng Việt.

Theo GS.TS Hoàng Thị Châu, tùy theo cái ngôn ngữ gốc đã bị bỏ mất thế

nào, thì những nét của ngôn ngữ này sẽ tác động trở lại tới tiếng Việt một cách không ý thức, nhưng lâu bền, tạo nên những đặc điểm hầu như không thể dùng quy luật nội tại của ngôn ngữ mà giải thích được. Trong đó, đặc biệt là phương ngữ có nguồn gốc từ tiếng Chăm.

PGS.TS Phạm Văn Hào lấy ví dụ, chữ ghe của người Chăm. Người Việt đánh cá bằng thuyền nhỏ, như Thanh Hóa bè mảng. Nhưng Quảng Nam, đặc biệt là Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, ghe to từ lâu rồi. Và ghe bầu chỉ có vùng ra đến Bình Định, Phú Yên. Ban đầu các nhà nghiên cứu tưởng tiếng Khơ Me không phải, đó là tiếng Chăm.

Theo PGS.TS Nguyễn Văn Hào, trên cơ sở khảo sát của Giám đốc Bảo tàng văn hóa Chăm Võ Văn Thắng có thể chia thành mấy nhóm từ:

- Nhóm các từ chỉ người: mụ (bà), nậu/nấu (người).
- Nhóm danh từ chỉ dụng cụ sản xuất, đồ vật, sự vật, hiện tượng: cà rá (nhẫn), ghe (thuyền), hom tranh (hom tranh), trà (nồi đất), trách (nồi đất), vàng (hái), cù lao (đào), (ma), da (nước)...
- Nhóm tính từ: cà rà (quanh quẩn), câu mâu (gây sự, câu nhàu), khít (chặt), ro ro (trơn tru), trơn (hết), nhít (nhỏ), lú (ngốc)...
- Nhóm động từ: gạt (lừa), lật (nhặt), thẩu (hiểu biết), trui (rèn)...
- Nhóm tính từ kết hợp với nhóm tiếng Việt tạo thành từ ghép Việt - Chăm: sạch bách (sạch sành sanh), trắng bong (rất trắng), cũ rích (rất cũ).

(còn tiếp)

